

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GEMADEPT**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 51
8. Phụ lục	52 - 57

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (tên viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301116791 (số cũ là 059080) đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 16 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1.144.216.690.000 VND

Số cổ phiếu: 114.421.669 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu

Trong kỳ Công ty đã phát hành cổ phiếu phúc lợi cho người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 128/GMD-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2013. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu 17.163.250.000 VND tương đương với 1.716.325 cổ phiếu. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang thực hiện các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 08 tháng 3 năm 2002 với mã chứng khoán là GMD.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (84-8) 38 236 236

Fax : (84-8) 38 235 236

E-mail : info@gemadept.com.vn

Mã số thuế : 0301116791

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp vận tải tàu biển Hữu Nghị	Số 2A - 4A Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Quảng Ninh	Số 1, đường Cái Lân, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 39 Quang Trung, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Cần Thơ	47/11A Lê Hồng Phong, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Vũng Tàu	Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Chi nhánh Campuchia	Số 193C đại lộ Mao Tse Toung, Chamcamon, Phnom Penh, Campuchia

Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.



- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm Cao ốc Gemadept, dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong kỳ, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 1.144.216.690.000 VND lên 1.161.379.940.000 VND do phát hành cổ phiếu theo chương trình phúc lợi bằng cổ phiếu cho người lao động trong Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 128/GMD-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2013.

Ngoài ra, Công ty cũng đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam cho đối tác Schenker (Asia Pacific) Pte., Ltd. (Cộng hòa liên bang Đức) và chuyển nhượng 85% phần vốn góp tại Công ty TNHH cao ốc Hàng Hải cho các đối tác CJ Cheil Jedang Corporation, CJ CGV Co., Ltd, CJ O Shopping Co., Ltd và CJ Korea Express Corporation.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 57).

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27 tháng 5 năm 2014 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (05% lợi nhuận sau thuế)	10.197.593.213 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính (05% lợi nhuận sau thuế)	10.197.593.213 VND
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (05% lợi nhuận sau thuế)	10.197.593.213 VND
- Trích quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị (03% lợi nhuận sau thuế)	6.118.555.928 VND
- Tạm trích cổ tức năm 2013 (1.200 VND/cổ phiếu)	139.365.592.800 VND
Cộng	176.076.928.367 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên
Ông Phạm Hồng Hải	Thành viên
Ông Vũ Ninh	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên

Họ tên	Chức vụ
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Phạm Tiến Tịnh	Thành viên
Ông Phan Thanh Lộc	Thành viên
Ông Bolat Duisenov	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Ông Lưu Tường Giai	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên
Bà Trần Thanh Thủy	Thành viên
Bà Phan Cẩm Ly	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Chu Đức Khang	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Gemadept tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2014





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Đống Đa Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0731/2014/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẠN CHUYỀN**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẠN CHUYỀN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vạn chuyển gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 25 tháng 7 năm 2014, từ trang 07 đến trang 57 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A & C
QUẬN BÌNH THẠNH - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

Phạm Hoa Đăng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0954-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.902.170.610.373	1.975.188.814.532
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.063.568.512.209	207.150.265.471
1. Tiền	111		1.062.068.512.209	206.125.945.471
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	1.024.320.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		655.895.255.166	625.239.108.519
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	772.001.003.133	731.823.673.533
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(116.105.747.967)	(106.584.565.014)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.102.303.949.220	1.054.111.962.429
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	369.686.897.347	330.654.291.854
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	63.374.313.745	109.574.193.827
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	681.016.375.128	625.657.113.748
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(11.773.637.000)	(11.773.637.000)
IV. Hàng tồn kho	140		27.773.001.031	27.200.148.075
1. Hàng tồn kho	141	V.8	27.773.001.031	27.200.148.075
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		52.629.892.747	61.487.330.038
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	3.923.466.175	10.961.885.209
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.498.211.465	1.494.688.292
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.24	310.864.111	2.000.551.752
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	46.897.350.996	47.030.204.785

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.525.515.542.179	4.201.531.000.088
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.000.000.000	37.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.11	37.000.000.000	37.000.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		396.656.265.473	423.443.427.524
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	353.566.720.308	385.350.420.829
<i>Nguyên giá</i>	222		930.748.945.301	934.739.799.585
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(577.182.224.993)	(549.389.378.756)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	5.103.870.039	5.633.967.095
<i>Nguyên giá</i>	228		11.458.486.153	11.359.490.023
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(6.354.616.114)	(5.725.522.928)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	37.985.675.126	32.459.039.600
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.047.510.168.374	3.696.508.076.782
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	2.115.925.074.505	2.803.737.274.505
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	717.793.211.279	728.915.081.279
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	398.905.458.124	315.570.041.600
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.18	(185.113.575.534)	(151.714.320.602)
V. Tài sản dài hạn khác	260		44.349.108.332	44.579.495.782
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	587.211.212	518.967.111
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	749.631.551
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	43.761.897.120	43.310.897.120
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.427.686.152.552	6.176.719.814.620

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.891.048.329.068	1.572.961.685.492
I. Nợ ngắn hạn	310		1.009.577.480.790	790.615.424.347
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	451.429.710.417	441.102.201.993
2. Phải trả người bán	312	V.22	111.049.424.355	107.484.643.790
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	25.692.090.647	20.878.878.372
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	66.163.999.941	41.565.670.693
5. Phải trả người lao động	315	V.25	4.235.185.714	8.861.694.590
6. Chi phí phải trả	316	V.26	66.199.469.804	42.257.550.569
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.27	272.623.638.658	127.940.410.082
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.28	1.752.276.539	524.374.258
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.29	10.431.684.715	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		881.470.848.278	782.346.261.145
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.30	1.481.383.127	1.541.101.627
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.31	865.469.285.713	692.326.571.430
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.32	14.520.179.438	88.478.588.088
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.536.637.823.484	4.603.758.129.128
I. Vốn chủ sở hữu	410		4.536.637.823.484	4.603.758.129.128
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.33	1.161.379.940.000	1.144.216.690.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.33	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.33	69.388.382.902	69.388.382.902
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.33	44.814.492.012	34.616.898.799
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.33	41.700.427.105	31.502.833.892
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.33	747.880.107.065	852.558.849.135
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.427.686.152.552	6.176.719.814.620

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài			-		-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-		-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-		-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2.455.701.880		2.455.701.880	
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)		4.454.162,11		467.467,75	
Euro (EUR)		128,33		128,33	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-		-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2014



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

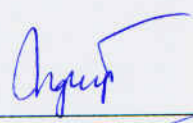
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	462.750.942.349	487.884.095.949
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.1	462.750.942.349	487.884.095.949
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	451.054.788.994	451.375.616.509
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.696.153.355	36.508.479.440
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	191.587.911.463	223.318.319.134
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	97.636.622.593	110.262.211.308
Trong đó: chi phí lãi vay	23		36.416.631.418	36.675.374.313
8. Chi phí bán hàng	24	VL.5	1.894.120.116	3.338.042.674
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	44.321.140.345	33.420.301.334
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		59.432.181.764	112.806.243.258
11. Thu nhập khác	31	VL.7	3.507.525.466	13.233.146.715
12. Chi phí khác	32	VL.8	518.165.950	7.180.123.769
13. Lợi nhuận khác	40		2.989.359.516	6.053.022.946
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		62.421.541.280	118.859.266.204
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	64.232.132.082	295.221.631
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VL.9	(73.208.777.099)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>71.398.186.297</u>	<u>118.564.044.573</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.10	<u>-</u>	<u>-</u>


 Trương Như Nguyên
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		62.421.541.280	118.859.266.204
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, 13	32.906.647.025	40.669.198.332
- Các khoản dự phòng	03	V.3, 18	42.920.437.885	60.670.207.213
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	3.152.973.852	10.928.371.464
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 4, 7, 8	(179.341.283.290)	(226.680.105.793)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	36.416.631.418	36.675.374.313
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.523.051.830)	41.122.311.733
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		56.754.007.986	(53.441.109.761)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(572.852.956)	(5.098.583.878)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7.977.556.830	(2.597.906.084)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.970.174.933	2.216.336.576
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.26; VI.4	(16.451.486.203)	(25.354.943.558)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.24	(36.589.819.663)	(1.144.340.385)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		6.776.656.580	4.929.384.607
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(11.845.980.440)	(9.121.242.494)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.495.205.237	(48.490.093.244)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12, 13, 14	(6.451.440.747)	(984.422.621)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7; VII	2.269.818.182	10.977.106.544
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(67.997.320.000)	(76.676.550.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		84.900.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(209.049.940.000)	(324.720.717.500)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		838.831.750.000	208.064.768.226
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.593.152.858	93.291.346.687
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		664.096.020.293	(90.048.468.664)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.33	17.163.250.000	49.743.600.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.21, 31	508.971.424.383	477.185.188.188
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.21, 31	(335.388.322.798)	(333.113.051.654)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27, 33	(10.033.508.803)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		180.712.842.782	193.815.736.534
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		856.304.068.312	55.277.174.627
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	207.150.265.471	236.926.587.737
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		114.178.426	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.063.568.512.209	292.203.762.364

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2014

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
 - Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
 - Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...
 - Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
 - Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm Cao ốc Gemadept, dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty có 297 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 310 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Trong kỳ, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 1.144.216.690.000 VND lên 1.161.379.940.000 VND do phát hành cổ phiếu theo chương trình phúc lợi bằng cổ phiếu cho người lao động trong Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 128/GMD-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2013.

Ngoài ra, Công ty cũng đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam cho đối tác Schenker (Asia Pacific) Pte., Ltd. (Cộng hòa liên bang Đức) và chuyển nhượng 85% phần vốn góp tại Công ty TNHH cao ốc Hàng Hải cho các đối tác CJ Cheil Jedang Corporation, CJ CGV Co., Ltd, CJ O Shopping Co., Ltd và CJ Korea Express Corporation.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trang trí nội thất

Chi phí trang trí nội thất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

1446
JNQ
HIỂN
ÁN V
&
-TP

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. **Trích lập các quỹ**

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

18. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2013 :	21.073 VND/USD
		28.892 VND/EUR
		16.497 VND/SGD
		6.368 VND/MYR
		199 VND/JPY
		2.671 VND/HKD
	30/6/2014 :	21.293 VND/USD
		28.973 VND/EUR
		16.985 VND/SGD
		6.582 VND/MYR
		209 VND/JPY
		2.749 VND/HKD

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	3.993.043.623	3.749.013.350
Tiền gửi ngân hàng	1.057.937.066.665	200.259.776.564
Tiền đang chuyển	138.401.921	2.117.155.557
Các khoản tương đương tiền		
(Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng)	1.500.000.000	1.024.320.000
Cộng	1.063.568.512.209	207.150.265.471

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	148.027.876.930	144.874.867.330
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt ⁽ⁱ⁾	94.971.030.000	94.971.030.000
- Công ty cổ phần thép Thủ Đức	31.490.628.000	31.490.628.000
- Công ty cổ phần khoáng sản Mangan	14.234.321.100	14.234.321.100
- Công ty cổ phần vận tải đa phương thức ⁽ⁱⁱ⁾	3.153.009.600	-
- Công ty cổ phần cơ điện Thủ Đức	3.150.000.000	3.150.000.000
- Công ty cổ phần khoáng sản và xây dựng Bình Dương	1.028.054.940	1.028.054.940
- Các công ty khác	833.290	833.290
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link (xem thuyết minh số V.16)	482.400.000.000	482.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	141.573.126.203	104.548.806.203
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm	1.396.576.203	372.256.203
- Cho vay ngắn hạn	140.176.550.000	104.176.550.000
Cộng	772.001.003.133	731.823.673.533

(i) Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt đang phong tỏa với số lượng là 6.800.000 cổ phiếu.

(ii) Cổ phiếu Công ty cổ phần vận tải đa phương thức tăng do chuyển từ đầu tư dài hạn khác do niêm yết trên sàn UPCOM.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(106.584.565.014)	(97.773.145.783)
Trích lập dự phòng bổ sung	(9.521.182.953)	(16.967.509.100)
Số cuối kỳ	(116.105.747.967)	(114.740.654.883)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...	361.233.316.763	328.278.291.854
Dịch vụ cho thuê tài sản	8.453.580.584	2.376.000.000
Cộng	369.686.897.347	330.654.291.854

Các khoản phải thu khách hàng được dùng để đảm bảo các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với giá trị là 23.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.21).

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH cảng Phước Long	-	4.558.811.292
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	6.585.206.985	-
Các nhà cung cấp khác	56.789.106.760	105.015.382.535
Cộng	63.374.313.745	109.574.193.827

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	28.823.188.778	29.170.733.788
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu từ các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	474.698.355.576	562.115.679.294
- Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl) – chi hộ dự án cao su	255.178.113.082	252.223.182.678
- Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương (Pacific Lotus) – chi hộ dự án cao su	4.667.262.563	4.412.496.543
- Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam – hợp tác kinh doanh theo nội dung hợp đồng	-	35.000.000.000
- Công ty TNHH cảng Phước Long – tiền hỗ trợ vốn, chi hộ	69.135.984.147	120.008.688.893
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất – tiền hỗ trợ vốn	27.000.000.000	32.000.000.000
- Gemadept (Singapore) Ltd.- tiền chi hộ	63.178.554.628	54.177.012.754
- Grand Pacific Shipping - tiền chi hộ	1.204.013.963	1.191.574.049
- Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ - tiền hỗ trợ vốn, chi hộ	14.876.000.000	20.293.670.208
- Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept – tiền hỗ trợ vốn	18.018.943.279	18.000.000.000
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền chi hộ	22.220.209	19.174.209
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept – tiền hỗ trợ vốn	18.079.115.607	22.079.115.607
- Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương (Paruco) – tiền chi hộ	1.203.565.043	1.001.163.043
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	2.134.583.055	1.709.601.310

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức, lợi nhuận được chia	156.961.370.208	14.446.300.000
Các khoản phải thu khác	17.533.460.566	16.924.400.666
- Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn liên hiệp vận chuyển – tiền chi hộ	6.128.187.500	6.128.187.500
- Phải thu công nhân viên tiền lãi vay	4.224.454.609	4.224.454.609
- Phải thu thanh lý hợp đồng Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao - Transvina	4.622.341.406	4.622.341.406
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	546.902.189
- Bảo hiểm xã hội phải thu	-	721.055.501
- Các khoản phải thu khác	2.558.477.051	681.459.461
Cộng	681.016.375.128	625.657.113.748
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 03 năm trở lên	(773.637.000)	(773.637.000)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
Cộng	(11.773.637.000)	(11.773.637.000)
8. Hàng tồn kho		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhiên liệu trên tàu	23.285.729.230	25.223.902.755
Hàng hóa	4.487.271.801	1.976.245.320
Cộng	27.773.001.031	27.200.148.075
9. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê tàu	-	6.339.000.000
Chi phí sửa chữa	-	1.407.629.170
Chi phí bảo hiểm	1.385.134.815	966.582.449
Công cụ, dụng cụ	2.162.657.266	1.695.890.313
Chi phí khác	375.674.094	552.783.277
Cộng	3.923.466.175	10.961.885.209
10. Tài sản ngắn hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	42.323.482.228	42.248.916.017
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	4.573.868.768	4.781.288.768
Cộng	46.897.350.996	47.030.204.785

15-C.T
TY
HỮU HẠN
À TỰ VAI
C
HỒ CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Phải thu dài hạn khác

Các khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	37.000.000.000	37.000.000.000

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Thông tin về tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, TP. Đà Nẵng chưa được định giá.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 357.836.730.956 VND và 172.749.354.257 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn (xem thuyết minh số V.21 và V.31). Ngoài ra, Công ty cũng dùng tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 31.679.789.600 VND và 26.403.314.512 VND thế chấp ngân hàng để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH cảng Phước Long (xem thuyết minh số VIII.1).

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.250.403.410	10.109.086.613	11.359.490.023
Mua trong kỳ	-	98.996.130	98.996.130
Số cuối kỳ	1.250.403.410	10.208.082.743	11.458.486.153
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	313.076.907	313.076.907
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	5.725.522.928	5.725.522.928
Khấu hao trong kỳ	-	629.093.186	629.093.186
Số cuối kỳ	-	6.354.616.114	6.354.616.114
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.250.403.410	4.383.563.685	5.633.967.095
Số cuối kỳ	1.250.403.410	3.853.466.629	5.103.870.039
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (xem thuyết minh số V.21).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
Phần mềm GSS	630.000.000	-	630.000.000
Chi phí mua cầu (*)	31.799.789.600	-	31.799.789.600
Chi phí mua xe Trailer	-	5.526.635.526	5.526.635.526
Chi phí hoàn cải tạo	29.250.000	-	29.250.000
Cộng	32.459.039.600	5.526.635.526	37.985.675.126

(*) Chi phí mua cầu đã được thế chấp ngân hàng để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH cảng Phước Long (xem thuyết minh số VIII.1).

15. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	78,60	78,60	39.780.000.000	39.780.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	100,00	100,00	7.500.000.000	7.500.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.	100,00	100,00	15.206.200.000	15.206.200.000
Gemadept (Singapore) Ltd.	100,00	100,00	15.207.300.000	15.207.300.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	55,00	3,35	2.343.651.753	2.343.651.753
Công ty TNHH cảng Phước Long	100,00	100,00	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept	51,00	51,00	1.637.304.000	1.637.304.000
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	100,00	100,00	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	51,00	51,00	72.126.807.812	72.126.807.812
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	50,00	50,00	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	100,00	23,92	23.924.332.310	23.924.332.310
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ ⁽ⁱ⁾	46,00	46,00	27.600.000.000	27.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải ⁽ⁱⁱ⁾	99,98	99,98	424.383.000.000	424.383.000.000
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100,00	35,00	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	100,00	21,82	2.182.000.000	2.182.000.000
Công ty TNHH dịch vụ tin học VT Tín	100,00	50,00	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	100,00	12,67	76.000.000.000	73.900.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương	100,00	66,98	380.765.628.630	380.765.628.630
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	100,00	36,34	377.443.400.000	251.253.600.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	84,66	84,66	338.625.450.000	218.625.450.000
Công ty TNHH cao ốc Hàng Hải ^(iv)	-	-	-	936.102.000.000
Cộng			2.115.925.074.505	2.803.737.274.505

- (i) Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Gemadept trước các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.
- (ii) Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Nam Hải đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay dài hạn (xem thuyết minh số V.31).
- (iii) Tăng do góp vốn bổ sung.
- (iv) Trong kỳ Công ty đã chuyển nhượng 85% phần vốn góp tại Công ty TNHH cao ốc Hàng Hải cho các đối tác CJ Cheil Jedang Corporation, CJ CGV Co., Ltd, CJ O Shopping Co., Ltd và CJ Korea Express Corporation.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	45,00	45,00	42.761.600.000	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	26,78	26,78	9.642.000.000	9.642.000.000
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	49,00	49,00	5.110.700.000	5.110.700.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	40,00	11,14	18.464.608.143	18.464.608.143
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	38,03	38,03	23.236.200.000	23.236.200.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam ⁽ⁱ⁾	-	-	-	11.882.010.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	29,43	29,43	141.250.000.000	141.250.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	25,00	25,00	29.375.000.000	29.375.000.000
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	26,56	26,56	49.825.280.000	49.825.280.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link ⁽ⁱⁱ⁾	41,67	41,67	351.750.000.000	351.750.000.000
Công ty Golden Globe Co., Ltd ⁽ⁱⁱⁱ⁾	40,00	22,20	46.377.823.136	45.617.683.136
Cộng			717.793.211.279	728.915.081.279

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Trong kỳ Công ty đã chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam cho đối tác Schenker (Asia Pacific) Pte., Ltd. (Cộng hòa liên bang Đức).
- (ii) Công ty cổ phần Gemadept đã đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept –Terminal Link với tỷ lệ là 41,67% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty đồng ý sẽ chuyển nhượng 25 % cổ phần trong công ty này trong thời gian sắp tới. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” với tỷ lệ góp vốn là 16,67% và khoản mục “Đầu tư ngắn hạn” với tỷ lệ góp vốn là 25% (xem thuyết minh số V.2).
- (iii) Tăng do góp vốn bổ sung.

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	165.581.032.000	168.734.041.600
- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải ⁽ⁱ⁾	165.581.032.000	165.581.032.000
- Công ty cổ phần vận tải đa phương thức ⁽ⁱⁱ⁾	-	3.153.009.600
Đầu tư tài chính dài hạn khác	193.791.426.124	53.376.000.000
- Dự án cao ốc văn phòng Falcon Hà Đông	32.500.000.000	32.500.000.000
- Công ty TNHH cao ốc Hàng Hải ⁽ⁱⁱⁱ⁾	140.415.426.124	-
- Các công ty khác	20.876.000.000	20.876.000.000
Cho vay dài hạn	39.533.000.000	93.460.000.000
- Cho Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept vay với lãi suất 10%/năm	39.533.000.000	68.460.000.000
- Công ty cổ phần Cảng Nam Hải	-	25.000.000.000
Cộng	398.905.458.124	315.570.041.600

- (i) Toàn bộ cổ phiếu này được cầm cố để đảm bảo các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam (xem thuyết minh số V.21).
- (ii) Cổ phiếu Công ty cổ phần vận tải đa phương thức giảm do chuyển sang đầu tư ngắn hạn.
- (iii) Chuyển từ đầu tư vào công ty con sang đầu tư dài hạn khác do trong kỳ Công ty đã chuyển nhượng 85% phần vốn góp tại Công ty TNHH cao ốc Hàng Hải cho các đối tác CJ Cheil Jedang Corporation, CJ CGV Co., Ltd, CJ O Shopping Co., Ltd và CJ Korea Express Corporation. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đang nắm giữ 15% vốn điều lệ của Công ty TNHH cao ốc Hàng Hải.

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(96.236.232.000)	(46.307.972.560)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(60.814.171.600)	(54.543.757.754)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	(23.842.568.093)	(45.862.590.287)
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	(4.220.603.841)	(5.000.000.000)
Cộng	(185.113.575.534)	(151.714.320.602)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(151.714.320.602)	(159.344.207.647)
Trích lập dự phòng bổ sung	(33.399.254.932)	(43.702.698.113)
Số cuối kỳ	(185.113.575.534)	(203.046.905.760)

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí trang trí nội thất	307.614.001	332.780.325	(184.339.006)	456.055.320
Chi phí mua phần mềm	75.968.753	-	(30.387.498)	45.581.255
Chi phí khác	135.384.357	-	(49.809.720)	85.574.637
Cộng	518.967.111	332.780.325	(264.536.224)	587.211.212

20. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ thuê tàu	42.586.000.000	42.146.000.000
Ký quỹ hợp đồng bảo lãnh	851.720.000	842.920.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	324.177.120	321.977.120
Cộng	43.761.897.120	43.310.897.120

21. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	172.501.540.363	163.040.063.684
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	44.477.012.529	25.346.654.334
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	33.650.307.222	54.566.476.072
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	33.082.025.528	28.812.229.865
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh ^(iv)	10.820.202.959	-
- Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam ^(v)	50.471.992.125	54.314.703.413
Vay ngắn hạn các tổ chức khác - Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link ^(vi)	228.999.598.626	226.633.566.883
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.31)	49.928.571.428	51.428.571.426
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	-	12.000.000.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	39.428.571.428	39.428.571.426
- Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Tân Thuận	10.500.000.000	-
Cộng	451.429.710.417	441.102.201.993

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa, khai thác cảng và logistics. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 41 Quang Trung, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 1/1 Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu;
 - Các tàu Phước Long 28, 30, 32, 34.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty liên quan.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để hỗ trợ cho các nhu cầu mua nhiên liệu và thanh toán các thư tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu, Rơ moóc (Trailer) 0004473, 0004474 và các Tàu Phước Long 16, 18, 20, 22, 24, 26.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:
- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại đường Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
 - Cầm cố 13.868.960 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải.
- (vi) Khoản vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link theo lãi suất cố định quy định trong hợp đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số kết chuyển	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	163.040.063.684	276.451.424.383	-	684.089.379	(267.674.037.083)	172.501.540.363
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	226.633.566.883	-	-	2.366.031.743	-	228.999.598.626
Vay dài hạn đến hạn trả	51.428.571.426	-	30.214.285.717	-	(31.714.285.715)	49.928.571.428
Cộng	441.102.201.993	276.451.424.383	30.214.285.717	3.050.121.122	(299.388.322.798)	451.429.710.417

22. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	21.259.004.138	7.373.597.036
- Công ty TNHH cảng Phước Long	3.362.401.376	6.614.873.380
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	5.844.594.292	405.192.077
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	443.703.274	-
- Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	1.184.040.038	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải	185.364.598	353.531.579
- Công ty TNHH cao ốc Hàng Hải	10.238.900.560	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	89.790.420.217	100.111.046.754
Cộng	111.049.424.355	107.484.643.790

23. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng ứng trước cho hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...	25.692.090.647	18.772.458.956
Khách hàng ứng trước để thuê tài sản	-	2.106.419.416
Cộng	25.692.090.647	20.878.878.372

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Việt Nam**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	(1.689.687.641)	8.407.817.294	(5.941.910.236)	776.219.417
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	32.676.644	934.127.360	(966.804.004)	-
Thuế xuất, nhập khẩu		1.613.988.936	(1.613.988.936)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.568.577.052	63.863.763.182	(36.271.049.901)	63.161.290.333
Thuế thu nhập cá nhân	3.426.006.338	1.839.234.725	(4.985.793.118)	279.447.945
Thuế môn bài	(900.000)	7.000.000	(7.000.000)	(900.000)
Các loại thuế khác	2.140.186.713	8.036.436.426	(8.677.403.977)	1.499.219.162
- Thuế cược	-	268.602.103	(268.602.103)	-
- Thuế nhà thầu	2.450.150.824	7.764.770.795	(8.405.738.346)	1.809.183.273
- Thuế khác	(309.964.111)	3.063.528	(3.063.528)	(309.964.111)
Cộng	39.476.859.106	84.702.367.923	(58.463.950.172)	65.715.276.857

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước”.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (năm trước là 25%).

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

b. Thuế và các khoản phải nộp phát sinh tại Chi nhánh Campuchia

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	88.259.835	368.368.900	(318.769.762)	137.858.973
Cộng	88.259.835	368.368.900	(318.769.762)	137.858.973

Thuế giá trị gia tăng

Chi nhánh Campuchia nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi nhánh Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Nếu số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm nhỏ hơn 01% doanh thu thì phải nộp cho cơ quan thuế nước sở tại theo mức là 01% doanh thu.

25. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả công nhân viên.

26. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	57.275.095.959	37.309.950.744
Chi phí khác	8.924.373.845	4.947.599.825
Cộng	66.199.469.804	42.257.550.569

27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	688.208.699	79.502.846
Cổ tức phải trả	139.372.619.947	10.040.535.950
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.729.863.500	1.780.817.111
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	27.934.347.306	17.075.947.362
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	87.917.731.509	88.442.668.781
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – các khoản thu hộ và phải trả khác	10.486.245.568	10.097.499.362
- Gemadept (Singapore) Co., Ltd. – các khoản thu hộ tàu, mượn tiền	43.912.340.970	43.458.637.170
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – tiền hỗ trợ vốn	10.293.585.975	10.293.585.975
- Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương – các khoản thu hộ và phải trả khác	8.005.727.042	8.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương – tiền hỗ trợ vốn	8.279.000.000	8.279.000.000
- Công ty TNHH cao ốc Hàng Hải	-	5.571.624.785
- Grand Pacific Shipping Ltd – tiền thuê tàu	3.858.037.500	1.475.110.000
- Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng – tiền hỗ trợ vốn	2.142.000.000	-
- Gemadept (Malaysia) Ltd – các khoản thu hộ	940.794.454	980.664.297
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh khác	-	286.547.192
Các khoản phải trả khác	14.980.867.697	10.520.938.032
- Ông Nguyễn Quốc Cường – tiền chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	9.264.678.577	9.264.678.577
- Các khoản phải trả khác	5.716.189.120	1.256.259.455
Cộng	272.623.638.658	127.940.410.082

28. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(546.902.189)	(2.177.618.427)
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	16.316.149.141	8.299.990.219
Chi quỹ trong kỳ	(5.337.562.237)	(2.802.169.742)
Số cuối kỳ	10.431.684.715	3.320.202.050

Số dư đầu năm của Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trình bày ở chỉ tiêu Các khoản phải thu khác (xem thuyết minh số V.6).

30. Phải trả dài hạn khác

Khoản nhận ký quỹ dài hạn.

31. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	120.214.285.713	144.428.571.430
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	-	36.000.000.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	88.714.285.713	108.428.571.430
- Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Thuận ⁽ⁱⁱ⁾	31.500.000.000	-
Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P ⁽ⁱⁱⁱ⁾	745.255.000.000	547.898.000.000
Cộng	865.469.285.713	692.326.571.430

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để góp vốn vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty liên quan.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Tân Thuận để tái tài trợ khoản vay mua tàu Pacific Gloria tại Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P. theo Hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2012, chi tiết như sau:
- Hạn mức vay : USD 40,000,000
- Thời gian ân hạn : 05 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ.
- Trả gốc : Tại thời điểm bất kỳ sau 01 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ, bên cho vay có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ và theo toàn quyền quyết định của bên cho vay, sẽ chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khoản vay (bao gồm gốc và lãi) chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty.
- Lãi suất : Lãi suất áp dụng đối với khoản cho vay trong thời hạn vay là 6%/năm.
- Mục đích vay : - Giải ngân lần 1: Dự án phát triển dịch vụ Logistics; Đầu tư vào dự án Cảng Nam Hải - Đình Vũ.
- Giải ngân lần 2: Đầu tư xe tải nhỏ; Thực hiện dự án tại Campuchia: dự án trồng rừng.
- Giải ngân lần 3,4: Sẽ được nhà đầu tư duyệt khi có đề nghị.
- Tài sản đảm bảo : Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được bên cho vay và bên vay chỉ định nhận tài sản đảm bảo theo Hợp đồng đại lý nhận tài sản bảo đảm ngày 17 tháng 7 năm 2012, bao gồm:
- Toàn bộ 999.800 cổ phần của Công ty trong Công ty cổ phần cảng Nam Hải, tương đương 99,98% số cổ phần đã phát hành và đang lưu thông;
 - Toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Công ty cổ phần cảng Nam Hải.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Vay dài hạn ngân hàng	170.142.857.141	49.928.571.428	120.214.285.713	-
Vay chuyển đổi thành cổ phiếu	745.255.000.000	-	745.255.000.000	-
Cộng	915.397.857.141	49.928.571.428	865.469.285.713	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số kết chuyển	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	144.428.571.430	42.000.000.000	(30.214.285.717)	-	(36.000.000.000)	120.214.285.713
Vay chuyển đổi thành cổ phiếu	547.898.000.000	190.520.000.000	-	6.837.000.000	-	745.255.000.000
Cộng	692.326.571.430	232.520.000.000	(30.214.285.717)	6.837.000.000	(36.000.000.000)	865.469.285.713

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

32. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số đầu năm	88.478.588.088
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	1.502.893.752
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ năm trước	(75.461.302.402)
Số cuối kỳ	14.520.179.438

33. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong kỳ Công ty đã phát hành cổ phiếu phúc lợi cho người lao động năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 128/GMD-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2013. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu 17.163.250.000 VND tương đương với 1.716.325 cổ phiếu. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang thực hiện các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh.

Cổ tức

Trong kỳ, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông với tổng số tiền là 10.033.508.803 VND (cùng kỳ năm trước là 0 VND).

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	116.137.994	114.421.669
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	116.137.994	114.421.669
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	116.137.994	114.421.669
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	116.137.994	114.421.669
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	116.137.994	114.421.669
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	462.493.693.133	444.349.990.008
Doanh thu cho thuê văn phòng	257.249.216	43.534.105.941
Cộng	462.750.942.349	487.884.095.949

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	451.054.788.994	436.618.988.038
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	-	14.756.628.471
Cộng	451.054.788.994	451.375.616.509

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	158.222.497	316.272.211
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	374.723.281	108.015.774
Lãi cho vay vốn	8.557.505.577	12.524.229.731
Lãi chuyển nhượng vốn trong công ty con	27.327.676.124	-
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết	3.935.490.000	169.753.490.979
Cổ tức, lợi nhuận được chia	149.758.324.000	38.171.400.988
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.475.959.669	2.267.366.930
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.315	177.542.521
Cộng	191.587.911.463	223.318.319.134

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	36.416.631.418	36.675.374.313
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.152.973.852	10.928.371.464
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.020.501.758	1.388.273.768
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	42.920.437.885	60.670.207.213
Chi phí chuyển nhượng vốn	13.087.620.000	-
Chi phí tài chính khác	38.457.680	599.984.550
Cộng	97.636.622.593	110.262.211.308

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.822.727	145.140.232
Chi phí khác	1.750.297.389	3.192.902.442
Cộng	1.894.120.116	3.338.042.674

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	21.636.128.604	19.171.342.327
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	66.434.160	199.945.149
Chi phí đồ dùng văn phòng	389.180.299	471.420.490
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.458.516.682	3.032.891.974
Thuế, phí và lệ phí	76.469.528	13.344.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.414.857.231	8.852.608.318
Chi phí khác	1.279.553.841	1.678.749.076
Cộng	44.321.140.345	33.420.301.334

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý tài sản cố định	2.809.818.182	10.662.396.544
Các khoản thu nhập khác	697.707.284	2.570.750.171
Cộng	3.507.525.466	13.233.146.715

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	334.633.874	880.984.050
Chi phí dự án khu công nghiệp công nghệ cao	-	3.658.444.173
Các khoản chi phí khác	183.532.076	2.640.695.546
Cộng	518.165.950	7.180.123.769

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.502.893.752	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	749.631.551	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(75.461.302.402)	-
Cộng	(73.208.777.099)	-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	147.039.371.988	134.642.278.583
Chi phí nhân công	45.754.755.911	42.991.095.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.906.647.025	40.705.970.377
Chi phí dịch vụ mua ngoài	264.697.473.160	260.079.794.219
Chi phí khác	6.871.801.371	9.714.822.004
Cộng	497.270.049.455	488.133.960.517

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Bán tài sản cố định chưa thu tiền	540.000.000	-
Chi phí chuyển nhượng vốn chưa thanh toán cho Công ty cổ phần tư vấn Tầm Nhìn Xa	13.087.620.000	-
Chuyển khoản tiền ứng trước cho Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco sang khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	40.000.000.000	-
Chuyển khoản tiền cho mượn sang khoản vay	-	120.853.141.343
Cần trừ khoản vay với tiền thu hồi khoản góp vốn với Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	-	2.006.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết bảo lãnh

Công ty sử dụng 04 cầu Liebherr đang ghi nhận ở tài sản cố định hữu hình (có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 31.679.789.600 VND và 26.403.314.512 VND) và chi phí xây dựng cơ bản dở dang (có giá trị là 31.799.789.600 VND) để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH cảng Phước Long tại Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn. Theo đó Công ty bảo lãnh toàn bộ số dư nợ gốc tối đa 59.097.088.151 VND và số tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số tiền gốc này.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.645.948.000	1.628.296.000
Thu nhập khác	25.500.000	234.800.000
Cộng	1.671.448.000	1.863.096.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Công ty con
Gemadept (Malaysia) Ltd.	Công ty con
Gemadept (Singapore) Ltd.	Công ty con
Grand Pacific Shipping Ltd.	Công ty con
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Công ty con
Công ty TNHH cảng Phước Long	Công ty con
Công ty TNHH ISS Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH vận tải Liên Ước Việt Nam	Công ty con
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	Công ty con
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	Công ty con
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	Công ty con
Công ty TNHH vận tải hàng hải PO Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty con
Công ty TNHH cao ốc Hàng Hải	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Công ty liên kết
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết

315-02
TY
HỮU HẠN
Ả TỰ VÃI
C
HỒ CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất		
Thanh lý tài sản cố định	490.909.901	-
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M		
Cho mượn tiền	-	300.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.		
Chi phí dịch vụ đại lý	444.450.237	535.352.207
Gemadept (Singapore) Ltd.		
Chi hộ	8.424.518.525	5.650.416.558
Chi phí dịch vụ	9.635.082.500	13.166.762.002
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội		
Lãi vay	-	58.407.500
Thu hồi vốn góp	-	2.343.651.753
Công ty TNHH cảng Phước Long		
Cho mượn tiền	14.600.000.000	111.230.000.000
Cho thuê tài sản	10.231.418.389	17.640.000.000
Chi phí dịch vụ	28.459.423.675	30.453.460.061
Chi hộ (lương, bảo hiểm xã hội)	1.096.474.919	27.495.161
Chi hộ khác	277.439.388	761.649.121
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept		
Lợi nhuận được chia	78.000.000.000	13.000.000.000
Cho vay	18.973.000.000	-
Chi hộ	1.845.000	39.214.693
Lãi cho vay	2.611.364.389	5.097.704.111
Doanh thu vận tải	5.242.870.861	7.164.222.699
Chi phí dịch vụ	24.952.474.978	5.234.484.987
Thu hộ	-	566.047.491
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng		
Thu hộ	66.877.313	1.228.101.133
Mượn tiền	8.800.000.000	-
Doanh thu dịch vụ	37.255.153.815	39.594.852.828
Chi phí dịch vụ	34.129.619.702	29.676.067.558
Chi hộ	3.046.000	-
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải du lịch Trường Thọ		
Doanh thu cho thuê	2.160.000.000	2.160.000.000
Cho mượn tiền	-	11.600.000.000
Cổ tức được chia	-	5.417.670.208



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>		
Cổ tức được chia	70.000.000.000	-
Lãi cho vay	588.272.222	2.735.833.333
Doanh thu dịch vụ	3.060.021.436	2.400.000.000
Chi phí dịch vụ	319.620.979	777.406.422
<i>Công ty TNHH công nghiệp cao su Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ	202.402.000	147.353.000
Mượn tiền	-	9.079.000.000
Góp vốn	2.100.000.000	16.379.000.000
<i>Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín</i>		
Chi hộ	346.557.645	983.725.479
<i>Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ	778.876.647	33.146.696.500
Góp vốn	-	54.408.500.000
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link</i>		
Doanh thu cho thuê văn phòng	62.920.000	480.983.213
<i>Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng</i>		
Doanh thu dịch vụ	-	557.559.156
Nhận tiền hỗ trợ vốn	2.142.000.000	-
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</i>		
Góp vốn	120.000.000.000	113.625.450.000
Cho vay	48.000.000.000	63.476.550.000
Lãi cho vay	4.751.404.319	4.594.687.597
Chi phí dịch vụ	665.303.779	-
<i>Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn</i>		
Chi phí dịch vụ	198.111.069	191.485.956
Góp vốn đầu tư	-	55.000.000.000
<i>Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương</i>		
Góp vốn	126.189.800.000	79.201.700.000
<i>Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu</i>		
Cổ tức được chia	-	1.735.560.000
<i>Công ty Golden Globe Co., Ltd.</i>		
Góp vốn	760.140.000	995.367.500

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	-	1.031.305.231
Góp vốn	-	5.110.700.000
Lợi nhuận được chia	-	2.479.549.578
Công ty TNHH vận tải hàng hải Thái Bình Dương		
Chi hộ	78.424.100	-
Công ty TNHH Cao Ốc Hàng Hải		
Chuyển nhượng phần vốn góp	795.686.573.876	-
Chi phí thuê văn phòng	9.308.091.418	-
Chi hộ	3.351.407.347	-
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam		
Chuyển nhượng phần vốn góp	11.882.010.000	-
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm		
Cổ tức được chia	159.289.000	-
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực		
Cổ tức được chia	893.700.000	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công ty còn dùng tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH cảng Phước Long tại Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn với số dư nợ gốc tối đa là 59.097.088.151 VND và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số VIII.1).

Ngoài ra, Công ty liên quan đã thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty tại Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và VI Fund II, L.P (xem thuyết minh số V.21 và V.31).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất		
Phải thu thanh lý tài sản cố định	540.000.000	-
Phải thu tiền hỗ trợ vốn	27.000.000.000	32.000.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M		
Phải thu tiền hỗ trợ vốn	300.000.000	300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Gemadept (Malaysia) Ltd.</i>		
Phải thu phí dịch vụ	18.509.263.930	19.103.805.748
<i>Gemadept (Singapore) Ltd.</i>		
Phải thu phí dịch vụ	195.778.637.543	195.778.637.543
Các khoản chi hộ	63.178.554.628	54.177.012.754
Ký quỹ thuê tàu	42.586.000.000	42.146.000.000
<i>Grand Pacific Shipping</i>		
Các khoản chi hộ	1.204.013.963	1.191.574.049
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>		
Phải thu phí dịch vụ	7.514.496.918	1.739.680
Ứng trước tiền dịch vụ	-	4.558.811.292
Phải thu các khoản chi hộ và phải thu khác	69.135.984.147	120.008.688.893
<i>Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept</i>		
Phải thu phí dịch vụ	695.806.750	858.754.886
Lợi nhuận được chia	90.650.000.000	13.000.000.000
Cho vay	39.533.000.000	68.460.000.000
Phải thu tiền hỗ trợ vốn	18.018.943.279	18.000.000.000
Trả trước phí dịch vụ	6.585.206.985	-
<i>Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng</i>		
Phải thu phí dịch vụ	6.175.112.016	449.472.185
Các khoản chi hộ	22.220.209	19.174.209
<i>Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ</i>		
Phải thu phí dịch vụ	4.752.000.000	2.376.000.000
Cổ tức được chia	5.417.670.208	5.417.670.208
Phải thu tiền hỗ trợ vốn	14.876.000.000	14.876.000.000
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>		
Phải thu phí dịch vụ	726.023.580	749.467.136
Cho vay	-	25.000.000.000
Cổ tức được chia	60.000.000.000	-
Phải thu tiền chi hộ	207.563.019	-
<i>Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Phải thu tiền chi hộ	294.329.784	210.785.511
<i>Công ty TNHH dịch vụ tín học Vĩ Tín</i>		
Phải thu tiền chi hộ	1.032.690.252	686.132.607

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept</i>		
Phải thu tiền hỗ trợ vốn	18.079.115.607	22.079.115.607
<i>Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương</i>		
Phải thu tiền chi hộ	1.203.565.043	1.001.163.043
<i>Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ dự án cao su	255.178.113.082	252.223.182.678
<i>Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ dự án cao su	4.667.262.563	4.412.496.543
<i>Công ty TNHH thương mại quả Cầu Vàng</i>		
Phải thu tiền hỗ trợ vốn	300.000.000	300.000.000
<i>Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam</i>		
Phải thu phí dịch vụ	-	534.143.500
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link</i>		
Phải thu phí dịch vụ	69.212.000	269.881.373
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</i>		
Phải thu lãi cho vay	2.696.990.569	-
Cho vay	130.176.550.000	82.176.550.000
<i>Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực</i>		
Cổ tức được chia	893.700.000	-
Cộng nợ phải thu	<u>1.087.998.026.075</u>	<u>982.066.259.445</u>
<i>Gemadept (Malaysia) Ltd.</i>		
Phải trả các khoản thu hộ	940.794.454	980.664.297
<i>Gemadept (Singapore) Ltd.</i>		
Các khoản thu hộ tàu, mượn tiền	43.912.340.970	43.458.637.170
<i>Grand Pacific Shipping</i>		
Phải trả tiền thuê tàu	3.858.037.500	1.475.110.000
<i>Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept</i>		
Phải trả phí dịch vụ	1.184.040.038	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH cảng Phước Long		
Phải trả phí dịch vụ	3.362.401.376	6.614.873.380
Nhận ứng trước	-	2.106.419.416
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept		
Phải trả tiền hỗ trợ vốn	10.293.585.975	10.293.585.975
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng		
Phải trả phí dịch vụ	6.061.286.021	405.192.077
Các khoản thu hộ và phải trả khác	10.486.245.568	10.097.499.362
Nhận ứng trước	18.847.697.923	-
Công ty cổ phần cảng Nam Hải		
Phải trả phí dịch vụ	185.364.598	353.531.579
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ		
Phải trả phí dịch vụ	443.703.274	-
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương		
Phải trả tiền hỗ trợ vốn	8.279.000.000	8.279.000.000
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương		
Các khoản thu hộ và phải trả khác	8.005.727.042	8.000.000.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link		
Vay ngắn hạn	228.999.598.626	224.983.141.516
Công ty TNHH MTV Logistic Biển Sáng		
Phải trả tiền hỗ trợ vốn	2.142.000.000	-
Công ty TNHH cao ốc Hàng Hải		
Phải trả tiền thuê văn phòng	10.238.900.560	-
Phải trả khác	-	5.571.624.785
Cộng nợ phải trả	357.240.723.925	322.619.279.557

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo loại hình dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Hoạt động logistics: Bao gồm dịch vụ vận tải, cho thuê các phương tiện vận tải, dịch vụ đại lý...
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Công ty đang đầu tư vào tòa nhà phức hợp tại Lào.
- Lĩnh vực khác: hoạt động trồng cao su tại Campuchia.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trong nước	304.727.416.418	339.954.628.293
Nước ngoài	158.023.525.931	147.929.467.656
Cộng	462.750.942.349	487.884.095.949

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		Tài sản bộ phận	
	lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Năm nay	Năm trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trong nước	6.784.221.072	1.236.815.194	2.491.107.961.833	1.623.038.833.359
Nước ngoài	-	-	228.068.897.140	225.550.197.314
Cộng	6.784.221.072	1.236.815.194	2.719.176.858.973	1.848.589.030.673

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng quản lý rủi ro và phòng Kế toán, Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng, cho vay và các khoản phải thu khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng và công ty chứng khoán trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty có liên quan vay tiền. Các đơn vị này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác chủ yếu là các khoản chi hộ các công ty có liên quan, phải thu cổ tức hoặc lợi nhuận được chia. Các đơn vị này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu này là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.063.568.512.209	-	-	1.063.568.512.209
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.396.576.203	-	-	1.396.576.203
Phải thu khách hàng	343.276.955.912	12.491.000.000	13.918.941.435	369.686.897.347
Các khoản cho vay	179.709.550.000	-	-	179.709.550.000
Các khoản phải thu khác	766.352.141.016	-	-	766.352.141.016
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	188.791.426.124	-	801.008.908.930	989.800.335.054
Cộng	2.543.095.161.464	12.491.000.000	814.927.850.365	3.370.514.011.829
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	207.150.265.471	-	-	207.150.265.471
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	372.256.203	-	-	372.256.203
Phải thu khách hàng	297.846.654.854	21.115.000.000	11.773.637.000	330.654.291.854
Các khoản cho vay	197.636.550.000	-	-	197.636.550.000
Các khoản phải thu khác	709.481.341.946	-	-	709.481.341.946
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	32.500.000.000	-	816.884.908.930	849.384.908.930
Cộng	1.444.987.068.474	21.115.000.000	828.658.545.930	2.294.679.614.404

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thời gian quá hạn của tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không giảm giá là trên 3 năm.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Vay và nợ	451.429.710.417	865.469.285.713	1.316.898.996.130
Phải trả người bán	111.049.424.355	-	111.049.424.355
Các khoản phải trả khác	338.836.023.009	1.481.383.127	340.317.406.136
Cộng	901.315.157.781	866.950.668.840	1.768.265.826.621
Số đầu năm			
Vay và nợ	441.102.201.993	692.326.571.430	1.133.428.773.423
Phải trả người bán	107.484.643.790	-	107.484.643.790
Các khoản phải trả khác	170.118.457.805	1.541.101.627	171.659.559.432
Cộng	718.705.303.588	693.867.673.057	1.412.572.976.645

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá nhiên liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty cung cấp và mua các dịch vụ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, EUR, SGD, MYR, JPY và HKD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận kế toán trước thuế kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 15.333.224.291 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 13.059.533.551 VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và SGD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận kế toán trước thuế kỳ này của Công ty sẽ tăng/giảm 3.985.385.568 VND (cùng kỳ năm trước tăng/giảm 4.137.110.506 VND).

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR, MYR, JPY, HKD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ	266.355.012.213	3.582.838,74	288.443.139.694	3.343.333,50

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận kế toán trước thuế kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 4.155.138.191 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 10.411.854.414 VND).

Mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi đến lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Công ty đang đầu tư tăng 5% thì lợi nhuận kế toán trước thuế kỳ này của Công ty sẽ tăng 6.356.468.475 VND (cùng kỳ năm trước tăng 10.661.129.072 VND) và nếu giá các chứng khoán Công ty đang đầu tư giảm 5% thì lợi nhuận kế toán trước thuế kỳ này của Công ty sẽ giảm 6.356.468.475 VND (cùng kỳ năm trước giảm 9.528.938.552 VND).

Rủi ro về giá nhiên liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nhiên liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nhiên liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua nhiên liệu và thực hiện các nghiệp vụ hedging giá dầu một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng	23.000.000.000	23.000.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	69.344.800.000	119.273.059.440
Cộng	92.344.800.000	142.273.059.440

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>				<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.063.568.512.209	-	207.150.265.471	-	1.063.568.512.209	207.150.265.471
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.396.576.203	-	372.256.203	-	1.396.576.203	372.256.203
Phải thu khách hàng	369.686.897.347	(11.773.637.000)	330.654.291.854	(11.773.637.000)	357.913.260.347	318.880.654.854
Các khoản cho vay	179.709.550.000	-	197.636.550.000	-	179.709.550.000	191.327.640.386
Các khoản phải thu khác	766.352.141.016	-	709.481.341.946	-	766.352.141.016	709.481.341.946
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	989.800.335.054	(216.562.583.808)	849.384.908.930	(157.892.537.574)	773.237.751.246	691.492.371.356
Cộng	3.370.514.011.829	(228.336.220.808)	2.294.679.614.404	(169.666.174.574)	3.142.177.791.021	2.118.704.530.216

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	1.316.898.996.130	1.133.428.773.423	1.316.898.996.130	1.133.428.773.423
Phải trả người bán	111.049.424.355	107.484.643.790	111.049.424.355	107.484.643.790
Các khoản phải trả khác	338.565.129.597	171.659.559.432	338.565.129.597	171.659.559.432
Cộng	1.766.513.550.082	1.412.572.976.645	1.766.513.550.082	1.412.572.976.645

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, các khoản phải thu khác, vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2014

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT
Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2014

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quý dự phòng tài chính	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.094.473.090.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	29.429.404.912	26.315.340.005	203.041.072.297	3.894.121.764.516
Tăng vốn trong năm trước	49.743.600.000	-	-	-	-	-	49.743.600.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	782.614.423.831	782.614.423.831
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(114.421.669.000)	(114.421.669.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	5.187.493.887	5.187.493.887	(18.674.977.993)	(8.299.990.219)
Số dư cuối năm trước	1.144.216.690.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	34.616.898.799	31.502.833.892	852.558.849.135	4.603.758.129.128
Số dư đầu năm nay	1.144.216.690.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	34.616.898.799	31.502.833.892	852.558.849.135	4.603.758.129.128
Tăng vốn trong kỳ này	17.163.250.000	-	-	-	-	-	17.163.250.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	71.398.186.297	71.398.186.297
Tạm chia cổ tức kỳ này	-	-	-	-	-	(139.365.592.800)	(139.365.592.800)
Trích lập các quỹ	-	-	-	10.197.593.213	10.197.593.213	(36.711.335.567)	(16.316.149.141)
Số dư cuối kỳ này	1.161.379.940.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	44.814.492.012	41.700.427.105	747.880.107.065	4.536.637.823.484

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2014


Trương Như Nguyễn
Người lập biểu


TP. Hồ Chí Minh
Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Lĩnh vực hoạt động logistics	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	462.750.942.349	-	-	-	462.750.942.349
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	462.750.942.349	-	-	-	462.750.942.349
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(34.519.107.106)	-	-	-	(34.519.107.106)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(34.519.107.106)
Doanh thu hoạt động tài chính					191.587.911.463
Chi phí tài chính					(97.636.622.593)
Thu nhập khác					3.507.525.466
Chi phí khác					(518.165.950)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(64.232.132.082)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					73.208.777.099
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					71.398.186.297
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	6.784.221.072	-	-	-	6.784.221.072
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	33.171.183.249	-	-	-	33.171.183.249
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực hoạt động logistics	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	444.349.990.008	43.534.105.941	-	-	487.884.095.949
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	444.349.990.008	43.534.105.941	-	-	487.884.095.949
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(29.027.342.038)	28.777.477.470	-	-	(249.864.568)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(249.864.568)
Doanh thu hoạt động tài chính					223.318.319.134
Chi phí tài chính					(110.262.211.308)
Thu nhập khác					13.233.146.715
Chi phí khác					(7.180.123.769)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(295.221.631)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					118.564.044.573
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.288.672.860	-	-	-	1.288.672.860
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	34.649.129.444	6.198.225.008	-	-	40.847.354.452
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực hoạt động logistics	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.459.331.483.328	-	259.845.375.645	-	2.719.176.858.973
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					3.708.509.293.579
Tổng tài sản					6.427.686.152.552
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.876.528.149.630	-	-	-	1.876.528.149.630
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					14.520.179.438
Tổng nợ phải trả					1.891.048.329.068
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.587.926.683.023	4.026.668.429	256.635.679.221	-	1.848.589.030.672
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					4.328.130.783.947
Tổng tài sản					6.176.719.814.619
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.482.143.277.649	2.339.819.755	-	-	1.484.483.097.404
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					88.478.588.088
Tổng nợ phải trả					1.572.961.685.492

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 04: Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

Số cuối kỳ	USD	EUR	SGD	MYR	JPY	HKD
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.454.162,11	128,33	-	-	-	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	21.183,52	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	1.952.898,44	-	11.764.906,81	2.787.341,77	-	927.228,17
Các khoản phải thu khác	13.912.736,63	-	-	-	-	-
Vay và nợ	(49.337.528,01)	-	-	-	-	-
Phải trả người bán	(2.070.846,46)	(1.721,40)	(21.078,52)	-	(5.195.309,30)	-
Các khoản phải trả khác	(4.937.923,22)	-	-	-	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(36.005.316,99)	(1.593,07)	11.743.828,29	2.787.341,77	(5.195.309,30)	927.228,17
Số đầu năm						
Tiền và các khoản tương đương tiền	467.467,75	128,33	-	-	-	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	21.078,13	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	2.040.048,87	-	11.708.330,27	2.908.621,36	-	1.316.722,77
Các khoản phải thu khác	13.390.581,33	-	-	-	-	-
Vay và nợ	(40.098.022,77)	-	-	-	-	-
Phải trả người bán	(2.057.123,35)	(1.721,40)	(5.168,00)	-	(1.257.092,30)	(12.294,48)
Các khoản phải trả khác	(4.075.022,81)	-	-	-	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(30.310.992,84)	(1.593,07)	11.703.162,27	2.908.621,36	(1.257.092,30)	1.304.428,29

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2014

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

TP. HỒ CHÍ MINH
M. HỮU HẠNH
V. T. V. V. V.
C. Y. S. C. T. T. H. H.

TP. HỒ CHÍ MINH
C. Y. S. C. T. T. H. H.
V. T. V. V. V.
C. Y. S. C. T. T. H. H.

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc